

Việt Trì, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Số: 34/2024/QĐST-LĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Đào

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Trung Sơn – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Ông Đặng Trần Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 30/2024/TLST-VDS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 73/2024/QĐST-VDS ngày 22 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH S

Địa chỉ trụ sở: Phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị H - Nhân viên nhân sự phụ trách bảo hiểm

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh P

Địa chỉ: Đường N, phường T thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Anh T – Chuyên viên phòng quản lý thu – sổ thẻ

3. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ

(Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*** *Tại đơn yêu cầu và tại bản tự khai chị Nguyễn Thị N trình bày:***

Tôi và chị Lê Thị H1 có quan hệ là anh em trong họ. Tháng 10/2012 tôi có cho chị Lê Thị H1, sinh năm 1996 mượn 01 bộ hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH S. Chị H1 có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S dưới tên tôi là Nguyễn Thị N. Sau khi ký hợp đồng lao động, Công ty TNHH S đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 theo sổ bảo hiểm số 2512013565 dưới tên tôi là Nguyễn Thị N, khi đấy tôi làm việc tại Công ty TNHH D, còn chị H1 làm việc tại Công ty TNHH S. Do vậy tôi có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ 10/2012 đến 7/2013. Công ty TNHH D đóng bảo hiểm

cho tôi theo số sổ 2511015548 và Công ty TNHH S đóng bảo hiểm cho tôi theo số sổ 2512013565. Tôi có 02 sổ bảo hiểm, sổ 1: 2511015548 tại Công ty TNHH D, sổ 2: 2512013565 tại Công ty TNHH S (do chị H1 trực tiếp đi làm)

Nay tôi đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và tôi (thực tế là do chị H1 ký) là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2012 đến tháng 7/2013 của sổ bảo hiểm số 2512013565, tôi nhất trí với sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH S tại bản tự khai trình bày:**

Tháng 10/2012, Công ty TNHH S có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị N. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị N theo quy định đến tháng 7/2013. Công ty không còn lưu bản sao của Hợp đồng lao động trên.

Nay chị Nguyễn Thị N đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị N vào tháng 10/2012 là vô hiệu do có sự lừa dối, như theo chị N trình bày: Tháng 10/2012, do chưa đủ tuổi, chị Lê Thị H1 là em họ của chị N đã mượn chị N 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Nguyễn Thị N để xin việc tại Công ty TNHH S. Trong thời gian chị H1 làm việc dưới tên chị N tại Công ty TNHH S thì chị N đang làm việc tại Công ty TNHH D, vì vậy người ký hợp đồng lao động với công ty chúng tôi thực tế là chị Lê Thị H1. Công ty tôi đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 theo sổ bảo hiểm đứng tên chị N từ tháng 10/2012 đến tháng 7/2013.

Nay chị N bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên chị N đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị Nguyễn Thị N vào tháng 10/2012 (thực tế do chị Lê Thị H1 ký) là vô hiệu và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội.

Quan điểm của chúng tôi về yêu cầu của chị N: Đề nghị Toà án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho công ty chúng tôi cũng như các đương sự. Công ty TNHH S đồng ý việc Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị Nguyễn Thị N vào tháng 10/2012 (thực tế do chị Lê Thị H1 ký) là vô hiệu. Công ty chúng tôi cũng nhất trí thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội theo sự tính toán của BHXH tỉnh P. Số tiền thoái thu Công ty tôi nhất trí trả cho người lao động thực tế ký hợp đồng với công ty là chị Lê Thị H1.

Do khi người lao động nghỉ việc, công ty C đã trả lại hồ sơ xin việc cho công nhân nên không còn lưu giữ.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ tại bản tự khai trình bày:**

Qua rà soát bảo hiểm xã hội (BHXH) trên hệ thống, chúng tôi phát hiện trường hợp bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 ở xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ có 02 sổ sổ bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, cụ thể: Sổ sổ 1: 2512013565 được cấp tại Công ty TNHH S, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có thời gian tham gia BHXH từ tháng 10/2012 đến tháng 07/2013. Sổ sổ 2: 2511015548 được cấp tại Công ty TNHH D1, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có thời gian tham gia BHXH từ tháng 11/2011 đến tháng 05/2016. Tháng 10/2012, bà Lê Thị H1 (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH S và tham gia BHXH theo mã số BHXH 2512013565. Thời điểm đó bà Nguyễn Thị N đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D1 theo mã số BHXH 2511015548. Nay bà Nguyễn Thị N trình bày là do thiếu hiểu biết nên đã cho bà Lê Thị H1 mượn hồ sơ để đi làm, cụ thể: Bà Lê Thị H1 đã lấy 01 bộ hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên Nguyễn Thị N để xin việc tại Công ty

TNHH S. Trong thời gian bà Lê Thị H1 làm việc dưới tên Nguyễn Thị N tại Công ty TNHH S thì bà Nguyễn Thị N đang làm việc tại Công ty TNHH D1, vì vậy người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và làm việc tại Công ty TNHH S là bà Lê Thị H1. Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động đến cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao.

động. Điều này đã dẫn đến việc bà Nguyễn Thị N có 02 số sổ BHXH trùng thời gian đóng BHXH tại 02 nơi làm việc khác nhau. Quan điểm của chúng tôi về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N như sau:

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên quyền lợi và nghĩa vụ của các bên như sau:

1- Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

2- Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P: Thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2512013565, mang tên Nguyễn Thị N từ tháng 10/2012 đến tháng 07/2013 tại Công ty TNHH S, với tổng số tiền là: 4.777.080 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi đồng).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H1 trình bày tại bản tự khai:**

Năm 2012, do chưa đủ tuổi lao động nên tôi có mượn 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Nguyễn Thị N để xin làm việc tại Công ty TNHH S. Công ty có kí hợp đồng lao động với tôi dưới tên chị Nguyễn Thị N. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho tôi theo sổ bảo hiểm số 2512013565 đứng tên chị N. Khi tôi đang làm việc tại Công ty TNHH S thì chị N làm việc tại Công ty TNHH D. Tôi làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 10/2012 đến tháng 7/2013 thì thôi việc. Do đó chị N có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 10/2012 đến tháng 7/2013.

Nay chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị N (thực tế là do tôi ký) là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số 2512013565, tôi nhất trí với đề nghị của chị N, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị N (thực tế là do tôi ký) tháng 10/2012 là vô hiệu do có sự lừa dối và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số 22512013565. Tôi nhất trí với sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P. Do thời gian đã lâu nên tôi không còn lưu giữ bản sao hợp đồng lao động đã ký giữa tôi và Công ty TNHH S.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 401; Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động 2019. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH S và chị N (thực tế là do chị Lê Thị H1 ký) tháng 10/2012 là vô hiệu toàn bộ.

Về xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Đề nghị bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số 2512013565, mang tên Nguyễn Thị N từ tháng 10/2012 đến tháng 07/2013 tại Công

ty TNHH S, với tổng số tiền là: 4.777.080 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi đồng), trả lại cho người lao động thực tế là chị Lê Thị H1.

Về lệ phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và thoái thu bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Tháng 10/2012, người lao động và Công ty TNHH S đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty TNHH S tại phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2, 3 điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị N với Công ty S tháng 10/2012 (Do chị Lê Thị H1 mượn hồ sơ) là vô hiệu, xét thấy: Việc chị Lê Thị H1 lấy hồ sơ tên chị Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là giả mạo khi giao kết hợp đồng, nên đề nghị của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau đó, Công ty TNHH S đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H1 (mượn tên chị N) dẫn đến có thời gian đóng trùng của 02 sổ bảo hiểm, vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội theo tính toán của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372; Điều 401; Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ Luật lao động 1994; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, 51 Bộ Luật lao động 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH S với người lao động chị Nguyễn Thị N (do chị Lê Thị H1 mượn hồ sơ để ký) là vô hiệu toàn bộ.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 10/2012 đến tháng 7/2013 của sổ bảo hiểm số 2512013565, cấp tại Công ty TNHH S. Số tiền thoái thu căn cứ theo sự tính toán Bảo hiểm xã hội tỉnh P là 4.777.080 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi đồng), trả lại cho chị Lê Thị H1.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003116 ngày 04/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Cao Thị Đào